

VIỆT NAM TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)

Tháng 11-1946, Trung ương Đảng quyết định thành lập Địchông tác đặc biệt do Trần Đăng Ninh phụ trách. Đội gồm đạibiểu các ngành quân sự, an ninh, chính quyền, đoàn thể chăm lo việc nghiên cứu di chuyển và chọn địa điểm an toàn để đặt trụ sở các cơ quan Trung ương. Từ giữa tháng 12-1946, một số cán bộ của Đội công tác đặc biệt lần lượt lên Việt Bắc làm nhiệm vụ.

Sau vụ thực dân Pháp gây xung đột ở Hải Phòng và Lạng Sơn (20-11-1946), công việc chuẩn bị cho các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận rời khỏi thủ đô Hà Nội được đẩy mạnh, đợt tổng di chuyển được bắt đầu.

Cuối tháng 12-1946, sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các cơ quan Trung ương lần lượt rời Hà Nội về phía tây nam, chuyển đến địa phận các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây (thị xã Hà Đông, Thanh Oai, Chương Mỹ - Hà Đông; Quốc Oai, Thạch Thất - Sơn Tây...); sau đó (đầu năm 1947), chuyển đến địa phận các tỉnh thuộc căn cứ Việt Bắc. Các huyện Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai (Thái Nguyên); Chợ Đồn

(BắcKạn); Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang) được chọn làm an toàn khu (ATK) của Trung ương Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc trước đây trở thành căn cứ địa kháng chiến của cả nước.

Từ Việt Bắc, đầu mối liên lạc dần dần được nối thông với các miền, các địa phương. Từ đây, căn cứ địa Việt Bắc trở thành Thủ đô kháng chiến của cả nước. Việc xây dựng ATK Trung ương ở Việt Bắc thể hiện tính chủ động, tầm nhìn chiến lược sáng suốt của Đảng và Chính phủ. Việc di chuyển kịp thời và an toàn các cơ quan lãnh đạo kháng chiến, trước hết là các cơ quan Trung ương, là thắng lợi lớn có ý nghĩa chiến lược. Để bảo đảm cơ sở vật chất cho cuộc kháng chiến lâu dài, việc chuyển máy móc, nguyên vật liệu... lên căn cứ địa được tiến hành khẩn trương. Trong điều kiện ta không có phương tiện vận tải, lại phải đi qua nhiều chặng đường đã bị phá hoại, việc vận chuyển thực sự là một công việc đầy khó khăn, nặng nhọc. Nhờ sự tận tình của cán bộ, công nhân các ngành, sự giúp đỡ không tiếc công sức của nhân dân dọc đường di chuyển, chỉ trong vòng 3 tháng đầu kháng chiến, ta đã vận chuyển được hơn 3 vạn tấn máy móc và dụng cụ sản xuất, hàng vạn tấn nguyên vật liệu vào vùng căn cứ. Riêng ở Bắc Bộ, gần 2/3 máy móc được chuyển lên căn cứ Việt Bắc. Nhờ đó, khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ta đã xây dựng được 57 cơ sở công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp quốc phòng; sản xuất đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng cho các lực lượng vũ trang và nhu cầu tối thiểu cho đời sống nhân dân.

Trong các công tác chuẩn bị vật chất cho kháng chiến lâu dài, vấn đề tích trữ muối và gạo được đặc biệt chú ý. Ngay từ mùa hè năm 1946, các cơ quan chức năng đã được chỉ thị thu mua và vận chuyển muối từ đồng bằng ven biển lên căn cứ. Nhờ có hàng vạn tấn muối được chuyển kịp thời lên Việt Bắc, Tây Bắc, nên khi miền duyên hải bị địch chiếm đóng, hậu phương kháng chiến vẫn có một lượng muối dự trữ cần thiết cho đời sống của cán bộ, bộ đội và nhân dân.

Cũng ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Chính phủ đã có nhiều biện pháp tổ chức việc thu mua, bảo vệ, bảo quản thóc, gạo chu đáo. Bộ Tài chính đặt kho dự trữ thóc, gạo phân tán ở nhiều nơi. Cục Quân nhu có hệ thống kho tại các tỉnh Hà Đông, Ninh Bình, Sơn Tây, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang...

Đồng thời với hoạt động "di chuyển" ở thời kì đầu của cuộc kháng chiến là hoạt động "tiêu thổ" để kháng chiến; vận động và tổ chức "tản cư" nhằm đảm bảo tính mạng và tài sản của nhân dân, nhanh chóng chuyển đất nước sang thời chiến. Bài học kinh nghiệm của ông cha thực hành kế thanh dã, vườn không nhà trống trong lịch sử chống ngoại xâm được vận dụng triệt để Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ rõ: "Phá hoại nhiều hơn bắn; triệt để làm cho địch đói, khát, què, mù, điếc, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản"¹. Nghị quyết Hội

ngộ quân sự toàn quốc lần thứ nhất (12 đến 16-1-1947) nêu rõ mức độ phá hoại đối với từng vùng, từng nơi. Ngày 16-1-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào phá hoại để kháng chiến: "Đánh thì phải phá hoại... Bây giờ ta phải phá đi, để chặn bọn Pháp lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng. Ta vì nước hi sinh, chịu khổ một lúc. Đến ngày kháng chiến thắng lợi, ta sẽ cùng nhau kiến thiết sửa sang lại . . .".

Hiểu rõ nội dung và ý nghĩa của công tác phá hoại để kháng chiến, từ đầu tháng 12-1946, các địa phương đã lập được kế hoạch phá hoại. Các Ban phá hoại được tổ chức và đi vào hoạt động.

Công tác phá hoại để kháng chiến diễn ra trong khí thế cách mạng sục sôi của quần chúng. Với tinh thần yêu nước cao độ và với niềm tin tất thắng, nhân dân ta tự tay mình phá sập nhà cửa, xí nghiệp, hầm mỏ; đào hào, đắp ụ, dựng vật cản trên các đường giao thông thủy, bộ. Nhiều thành phố, thị xã bên thành bình địa, biểu thị sức mạnh phi thường của ý chí quyết tâm kháng chiến và niềm tin tất thắng của nhân dân ta. Chỉ trong mấy tháng cuối năm 1946 đầu năm 1947, quân và dân ta đã phá hoại 1.060 km đường sắt, 5.640 km đường ô tô 30.500 cầu cống 59.100 ngôi nhà, 84 đầu máy và 868 toa tàu hỏa... Điều đó đã góp phần làm chậm bước tiến quân thù và hãm chúng vào một tình thế khó khăn.

Tuy nhiên, trong công tác phá hoại để kháng chiến, một số địa phương còn phá tràn lan. Ngược lại, có nơi mắc bệnh chủ quan, chưa tích cực thực hiện; Ban phá hoại tuy thành lập nhưng chưa hoạt động. Để chuyển đất nước vào chiến tranh, một công việc khó khăn, phức tạp là tổ chức đưa, đón hàng chục vạn đồng bào tản cư ra khỏi các vùng có chiến sự. Lúc đầu, do chưa có kinh nghiệm, không dự kiến hết số lượng người tản cư và tình hình chiến sự chuyển biến sau khi địch đánh rộng ra ngoài các thành phố, nên Ủy ban tản cư nhiều cấp không làm chủ được tình hình, dẫn đến tình trạng ở một số vùng nhân dân hoang mang, chạy vòng quanh và có tâm lý tạm bợ.

Trước tình trạng trên, từ trung tuần tháng 2 và đầu tháng 3-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho Bộ Nội vụ cử người về các địa phương (kể cả vùng địch mới chiếm đóng) để có biện pháp khắc phục. Người chỉ thị cho Ủy ban hành chính các cấp: "Vô luận thế nào cũng không được bỏ dân bơ vơ". Nhờ đó, từ tháng 4-1947, công tác tản cư, di cư dần dần đi vào nề nếp; đồng bào tản cư nhanh chóng hoà nhập với nhân dân các địa phương, ổn định đời sống, cùng tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc.

Sau khi việc di chuyển đã hoàn thành, chỗ ở và làm việc của các cơ quan và đồng bào tản cư ổn định, Nhà nước bắt tay xây dựng lực lượng về mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

2- Xây dựng lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài

a) Về chính trị

Từ khi chiến sự bắt đầu lan rộng, kháng chiến được xác định là nhiệm vụ hàng đầu, nên hình thức tổ chức chính quyền và tên gọi của Ủy ban hành chính không còn phù hợp. Vì vậy, một ngày sau khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, ngày 20-12-1946, Chính phủ ra Sắc lệnh số 1/SL về việc thành lập Ủy ban bảo vệ tại các khu quân sự, các đơn vị hành chính từ cấp tỉnh trở xuống; quy định thành phần, chức năng và quyền hạn của Ủy ban bảo vệ các cấp. Từ tháng 3-1947, Chính phủ ra các sắc lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều khoản về Ủy ban bảo vệ các cấp từ khu xuống đến cơ sở. Theo đó, mỗi Ủy ban bảo vệ khu và tỉnh có 1 đại biểu quân sự, 1 đại biểu hành chính và 3 đại biểu nhân dân. Ủy ban bảo vệ huyện gồm 3 đại biểu (quân sự, hành chính và nhân dân). Ủy ban bảo vệ xã có 1 đại biểu nhân dân và 1 đại biểu quân sự.

Ủy ban bảo vệ là tổ chức gồm các thành phần quân, dân, chính. Chiến sự lan tới đâu, Ủy ban bảo vệ ở đó đổi thành Ủy ban kháng chiến. Như vậy, từ đầu năm 1947, từ cấp khu xuống đến xã, bên cạnh Ủy ban hành chính còn có Ủy ban kháng chiến. Sự tồn tại cơ chế hai chính quyền ở địa phương không tránh khỏi tình trạng chồng chéo, dẫm đạp lên

nhau. Nhằm khắc phục tình trạng đó, ngày 27-8-1947, Chính phủ ra Sắc lệnh số 91/SL về việc hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính các cấp từ tỉnh trở xuống thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính.

Căn cứ vào sắc lệnh trên, cơ quan hành chính các cấp tỉnh, huyện, xã được kiện toàn. Ủy ban cấp xã có 5 ủy viên, trong đó có 3 ủy viên hành chính, 1 ủy viên quân sự và 1 ủy viên nhân dân. Ủy ban cấp huyện, tỉnh gồm 7 ủy viên, trong đó có 3 ủy viên hành chính, 1 ủy viên quân sự và 3 ủy viên nhân dân.

Trong quá trình củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương các cấp, Trung ương Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục phẩm chất, tư cách đạo đức của cán bộ, nhân viên Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên cán bộ, nhân viên Nhà nước, trước hết là đảng viên phải thật thà, đoàn kết, thương yêu nhau, phải kiên quyết tẩy rửa đầu óc bè phái, quân phiệt, quan liêu, hẹp hòi, ham chuộng hình thức, vô kỷ luật, ích kỉ... Nhờ đó, Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp từ xã đến Liên khu đã gánh vác được vai trò thay mặt Chính phủ tổ chức và điều hành công cuộc kháng chiến, kiến quốc tại địa phương mình.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cuộc kháng chiến, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức được các cấp từ Trung ương

xuống các tỉnh đặc biệt coi trọng. Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh trong bộ đội, dân quân, trong các xí nghiệp, cơ quan Nhà nước và cả trong các vùng sau lưng địch. Hàng vạn công nhân, nông dân, trí thức cách mạng, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang được kết nạp Đảng. Các tổ chức cơ sở của Đảng đã ăn sâu bám rễ trong nhân dân. Hầu hết các địa phương đã lập được huyện uỷ, nhiều nơi lập được chi bộ liên xã. Hệ thống tổ chức của Đảng trong quân đội cũng từng bước được kiện toàn.

Song song với công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng cũng không ngừng được củng cố về tổ chức. Tổ chức Công đoàn ngày càng thu hút được nhiều đoàn viên và phát huy được vai trò động viên, tổ chức công nhân thi đua sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Các Hội Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc có đông đảo hội viên tham gia, thường xuyên giáo dục, động viên các hội viên tích cực đóng góp sức người, sức của phục vụ kháng chiến. Công tác vận động thanh niên có bước tiến triển mới. Từ năm 1947, các tổ chức Đoàn Thanh niên cứu quốc, Liên đoàn Thanh niên Việt Nam, Tổng hội Sinh viên Việt Nam được củng cố và lần lượt mở đại hội.

Công tác vận động đoàn kết với giới trí thức, đoàn kết các dân tộc và tôn giáo cũng được đẩy mạnh, góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân, làm thất bại chính sách "dùng người Việt đánh người Việt" của thực dân Pháp.

b) Về quân sự :

Khi cả nước bước vào kháng chiến, vấn đề xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang trở thành một nhiệm vụ cấp bách, không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn đảm bảo cho kháng chiến lâu dài.

Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất (1-1947) nêu rõ: "Trong các khu cần phải tổ chức ngay bộ đội bổ sung, việc tuyển lựa bộ đội này phải được Bộ Quốc phòng chuẩn y trước...".

Ngày 12-2-1947, Chính phủ ra Sắc lệnh số 16/SL thành lập Phòng Dân quân, trực thuộc Cục Chính trị. Tiếp theo, ngày 19-2, Bộ Quốc phòng ra Thông tư quy định mọi công dân từ 18 đến 45 tuổi vào dân quân, tự vệ, du kích. Hàng chục vạn quân chúng, thuộc đủ các lứa tuổi, hăng hái gia nhập dân quân, tự vệ và du kích. Đến cuối năm 1947, tại nhiều địa phương, ở các xã đã có từ 1 đến 2 trung đội dân quân tự vệ; ở huyện có từ 1 đến 2 trung đội du kích thoát li, ở tỉnh có từ 1 đến 2 đại đội du kích thoát li. Với phong trào "cướp vũ khí địch đánh địch", nhiều đơn vị dân quân, tự vệ và du kích dần dần tự trang bị được vũ khí thô sơ.

Tháng 3-1947, Chính phủ quyết định đổi tên Bộ Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia thành Bộ Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và dân quân tự vệ

Việt Nam; đồng thời quyết định thành lập các ban chỉ huy Tỉnh đội, Huyện đội, Xã đội thuộc Ủy ban kháng chiến các cấp. Việc huấn luyện được tổ chức thường xuyên và đi dần vào nề nếp. Tại Việt Bắc, Khu IV, Khu V và các căn cứ thuộc Nam Bộ có chế độ huấn luyện thường kỳ cho dân quân, tự vệ và du kích.

Từ mùa hè năm 1947, kháng chiến mở rộng, hàng chục vạn quân chúng thuộc mọi tầng lớp hăng hái gia nhập dân quân, tự vệ và du kích. Hàng nghìn làng kháng chiến bước đầu được xây dựng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đặc biệt coi trọng. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị quân sự lần thứ 3 (6-1947), Bộ Tổng chỉ huy điều động cán bộ Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, Trường Quân chính về thị xã Bắc Kạn mở các lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Hàng trăm cán bộ các cấp được bổ túc về quân sự và chính trị. Tháng 8-1947, Bộ Tổng chỉ huy mở lớp bổ túc cán bộ Đảng cấp toàn quân tại xã La Bằng (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự lễ khai mạc và huấn thị cho lớp học. Ngoài ra, nhiều khu tỉnh cũng mở các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ dân quân, tự vệ, du kích từ cấp tiểu đội đến đại đội.

Cùng với việc phát triển lực lượng dân quân du kích, phong trào xung phong tòng quân cũng diễn ra sôi nổi trong thanh niên. Chỉ trong mùa hè

năm 1947, đã có 35.000 thanh niên tình nguyện nhập ngũ, nâng tổng số bộ đội chủ lực từ 85.000 người (trước ngày toàn quốc kháng chiến) lên 125.000 người.

c) về kinh tế

Nhà nước chủ trương xây dựng một nền kinh tế kháng chiến có khả năng tự cấp tự túc, phục vụ những nhu cầu thiết yếu của nhân dân vùng tự do, đồng thời đáp ứng được những nhu cầu ngày càng lớn của chiến trường. Hội nghị cán bộ Trung ương (từ ngày 3 đến ngày 6-4-1947) đề ra một chương trình kinh tế kháng chiến gồm hai mặt:

- Phá hoại kinh tế địch bằng cách tẩy chay và quân sự phá hoại; làm cho địch không kinh doanh, bóc lột gì được, không thực hiện được chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".
- Xây dựng kinh tế của ta, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, lập nền kinh tế tự túc.

Hội nghị cán bộ Trung ương còn đề ra phương châm xây dựng nền kinh tế phù hợp với điều kiện chiến tranh: Chỉ sản xuất những thứ cần dùng cho mặt trận và đời sống của nhân dân... Về các ngành kinh tế chú trọng nhất là nông nghiệp, thương mại rồi mới đến kỹ nghệ (chú ý kỹ nghệ chế

tạo vũ khí và
khai thác)...

Quán triệt phương châm trên, Chính phủ đề ra nhiều chính sách quan trọng: Chính sách tăng gia sản xuất, thực hiện khẩu hiệu "Thực túc binh cường", "ăn no đánh thắng"; chính sách tiết kiệm và đồng cam cộng khổ; chính sách tôn trọng quyền tư hữu tài sản hợp pháp của mọi công dân, mọi thành phần kinh tế; chính sách điều hoà lợi ích...

Mặc dù có sự chuẩn bị từ trước, nhưng cuộc kháng chiến nũa vẫn làm cho nền kinh tế bị đảo lộn. Sản xuất công nghiệp và thương mại ở các thành phố lớn bị ngưng trệ. Nông nghiệp cũng gặp khó khăn, nhất là những vùng bị địch chiếm. Trước tình trạng đó, Trung ương Đảng và Chính phủ chỉ đạo:

Phương hướng xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất trong kháng chiến là chú trọng nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng; khuyến khích hình thức kinh tế cá nhân, kinh tế hợp tác xã và kinh tế Nhà nước. Trong nông nghiệp, nhiều chính sách và biện pháp lớn được ban hành, bao gồm: Chính sách toàn dân tăng gia sản xuất, chính sách phát triển sản xuất gắn liền với chính sách ruộng đất, chính sách nhân công, chính sách cải tiến kỹ thuật, chính sách bảo vệ sản xuất. Phong trào tăng gia sản xuất rầm rộ khắp nơi, góp phần thiết

thực nâng cao tiềm lực kinh tế kháng chiến.

Riêng các vùng tự do, trong năm 1947, nhân dân ta đã cấy được 1.893.700 ha lúa, thu được 2.194.000 tấn thóc; trồng được 243.000 ha hoa màu, thu được 474.000 tấn, tăng 189% so với năm 1941.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, trong những tháng đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, những xí nghiệp quốc phòng và dân dụng có quy mô thích hợp đã lần lượt được xây dựng ở vùng tự do và vùng căn cứ kháng chiến. Công nghiệp quốc phòng là hệ thống công nghiệp quan trọng nhất trong thời kỳ kháng chiến. Ngay từ đầu kháng chiến, trong quá trình di chuyển cơ sở vật chất kỹ thuật đến căn cứ, Bộ Tổng chỉ huy đã xác định phương hướng tổ chức các xí nghiệp quốc phòng là:

Xây dựng một hệ thống các xưởng với nhiều thiết bị máy móc, công nhân để chế tạo, sản xuất lớn; xây dựng một hệ thống chuyên môn hoá, như sửa chữa vũ khí, đúc lựu đạn, nhồi lắp lựu đạn; xây dựng một số tổ, kíp sửa chữa nhỏ đi lưu động để sửa chữa vũ khí. Tính đến cuối năm 1946, ngành Quân giới đã có 20 cơ sở lớn và nhỏ với 2.500 công nhân. Đầu tháng 2-1947, Chính phủ ra quyết định thành lập Cục Quân giới thay cho Cục Chế tạo. Có thể nói, ngành Quốc phòng đã giải quyết thành công nhiều vấn đề về nguyên vật liệu, kỹ thuật sản xuất, tổ chức quản lý, đào tạo cán bộ, công nhân. Nhịp độ sản xuất vũ khí, đạn dược tăng

rất nhanh. Tính theo trọng lượng tấn và lấy chỉ số năm 1946 là 100, thì năm 1947, từ Liên khu IV trở ra là 707; năm 1948 là 1.044. Đến giữa năm 1947, ở các khu, tỉnh từ Bắc đến Nam đã xây dựng được 168 binh công xưởng, mỗi xưởng có từ 200 đến 500 công nhân. Ngoài các xưởng quân giới do Bộ Quốc phòng tổ chức, còn có các xưởng vũ khí dân quân do các địa phương tự xây dựng và chỉ đạo. Riêng Liên khu Việt Bắc đã có tới 8 xưởng sản xuất vũ khí.

Song song với công nghiệp quốc phòng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương phát triển công nghiệp dân dụng, trong đó có một số cơ sở thuộc thành phần quốc doanh. Nhiệm vụ của các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh là cung cấp giấy bạc, giấy in, giấy viết vải xà phòng, bóng đèn... phục vụ các cơ quan dân chính và các yêu cầu dân sinh. Ngành Thủ công nghiệp được xây dựng, phát triển với quy mô nhỏ phân tán, kết hợp công cụ sản xuất thô sơ với máy móc, dựa vào dân và nguyên liệu trong nước, địa phương tự lập, sản xuất tự cấp tự túc. Nhờ đó, ngay từ đầu ngành thủ công nghiệp đã tập trung giải quyết những mặt hàng tối cần thiết như dệt, giấy, ấn loát, xà phòng, chén, bát, chiếu, đường, nước mắm... Thương nghiệp, tiền tệ, giá cả đã có sự chuyển hướng phù hợp với thời chiến. Đầu năm 1947, Chính phủ giao cho Nha Tiếp tế thuộc Bộ Kinh tế nhiệm vụ thu mua và dự trữ thóc gạo. Cơ quan Phân phối muối (thuộc Bộ Tài chính) tổ chức vận chuyển muối của Nhà nước và muối trên thị trường tự do đưa về các khu an toàn.

Về tiền tệ, ngày 15-5-1947, Chính phủ ra Sắc lệnh số 48/SL cho lưu hành bạc Việt Nam (bạc tài chính) trong toàn quốc. Khối lượng giấy bạc Đông Dương cũ của Pháp được ta thu về làm vốn trang trải cho Ngành Ngoại thương. Tuy nhiên, do hoàn cảnh chiến tranh, nên đã hình thành các khu vực tiền tệ riêng biệt.

Vùng tự do Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ lưu hành giấy bạc tài chính do Trung ương phát hành. Các tỉnh Khu V, chủ yếu là 4 tỉnh tự do (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) lúc đầu lưu hành tiền tài chính Trung ương, đầu tháng 7-1947, theo Sắc lệnh số 231/SL-M ngày 18-7-1947, Chính phủ cho phép Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ được phát hành tín phiếu và lưu hành song song với tiền tài chính một thời gian (từ năm 1952, Chính phủ cho thu hồi bạc tài chính chỉ còn lưu hành tín phiếu). Ở Nam Bộ, do địch đánh toả ra sớm, nên tại các căn cứ kháng chiến những năm 1947, 1948, một số nơi lưu hành bạc tài chính Trung ương do Khu V chuyển vào. Ngày 11/1947, Chính phủ ra Sắc lệnh số 102/SL cho phép Nam Bộ được phát hành một số loại tín phiếu có giá trị như giấy bạc Việt Nam.

d) Về văn hoá, giáo dục, y tế

Đảng và Nhà nước chủ trương không để các hoạt động thuộc những lĩnh

vực trên bị đứt đoạn vì chiến tranh, mà phải được tiếp tục phát triển và phục vụ tốt cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc. Đảng và Chính phủ đã dành sự quan tâm to lớn cho sự phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, tạo điều kiện từng bước phát triển khoa học và kỹ thuật phục vụ kháng chiến. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 2 (từ ngày 3 đến 6-4-1947) chỉ rõ: Động viên tất cả giới trí thức, văn nghệ sĩ tham gia kháng chiến, dùng các nhà trí thức văn hoá, chuyên môn vào ngành công tác như quân giới, quân y, giáo dục, tuyên truyền kháng chiến, chú trọng mở mang giáo dục kháng chiến...

Vừa kháng chiến, dân tộc ta vừa xây dựng một nền văn hoá mới, có tính chất hợp với tinh thần dân tộc độc lập, hợp với khoa học, tiên bộ, hợp với tình hình và trình độ của đông đảo quần chúng nhân dân. Đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ ở mọi miền đất nước đã khoác ba lô lên đường kháng chiến. Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ đều hướng vào phục vụ kháng chiến theo khẩu hiệu: "Tất cả để chiến thắng". Nhiều truyện ngắn, phóng sự, nhạc phẩm, thơ ca được sáng tác, đề cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào thắng lợi của kháng chiến. Các tác phẩm văn nghệ, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam và báo chí ở các vùng tự do đã góp phần đắc lực vào công tác tuyên truyền chủ trương của Chính phủ, cổ vũ tinh thần kháng chiến của quân và dân ta, chống lại các luận điệu tuyên truyền phản động của địch.

Ngành Giáo dục đã có một bước tiến mới về nội dung, phương hướng đào tạo trong điều kiện vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Hội đồng Chính phủ xác định phải tổ chức lại nền giáo dục ngay trong thời kì chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định phương châm giáo dục là học đi đôi với hành, tổ chức giáo dục chính là thực hiện kháng chiến bằng văn hoá; giáo dục là văn hoá của cuộc kháng chiến. Yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc đòi hỏi phải sửa đổi chương trình giáo dục, phải biên soạn sách và sửa đổi cách dạy cho phù hợp. Nội dung chương trình và phương pháp đào tạo theo phương châm thiết thực là chính, nhưng phải đề cao chất lượng..

Dù chiến tranh ngày càng ác liệt và việc tổ chức lớp học ngày càng khó khăn, nhưng chính quyền các cấp và các cơ quan giáo dục đã cố gắng duy trì hệ thống giáo dục trong vùng giải phóng. Nền giáo dục kháng chiến được tổ chức khá đa dạng và toàn diện. Ngoài bộ máy hệ chính quy gồm các trường phổ thông và cao đẳng, đại học còn có hệ bổ túc văn hoá và hệ thống các trường chính trị, quân sự.

Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và mở rộng.

Năm 1947, Khu X mở được 153 lớp, huấn luyện đào tạo 3.745 giáo viên, động viên trên 130.000 học viên theo học các lớp Bình dân, gấp 5 lần so với số lượng học viên năm trước. Tại các tỉnh Liên khu V và Bình - Trị -

Thiên. mặc dù bị địch bao vây bắn phá, nhưng các cấp chính quyền dân chủ nhân dân đã khắc phục khó khăn để bám đất, bám dân nhằm từng bước khôi phục các lớp Bình dân học vụ theo khẩu hiệu "Tay bút, taysúng", "Diệt dốt xâm lăng". Đến cuối năm 1947, cả nước đã thanh toán nạn mù chữ cho trên 1,2 triệu người, trong đó có nhiều làng, xã ở Hải Dương và Thái Bình được công nhận xoá xong nạn mù chữ. Ngành Giáo dục phổ thông phát triển khá nhanh. Tính đến tháng 6-1947, số học sinh tiểu học ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ lên tới 147.000 em, tăng 47% so với tháng 12-1946. Nội dung giảng dạy và phương thức hoạt động trong các nhà trường phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Chế độ thi cử xác nhận bậc học của học sinh và tuyển chọn học sinh vào các lớp trên được duy trì. Tháng 4-1947, Chính phủ ra Nghị định mở kì thi Trung học và Tiểu học trong cả nước. Đến cuối năm 1947, đã có hàng nghìn trường tiểu học và trung học thu hút hàng vạn con em nhân dân đến lớp học. Việc chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được chú ý.

Đảng và Chính phủ hết sức quan tâm đến công tác đào tạo đội ngũ cán bộ y tế phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Một số cơ sở đại học và trung học y - dược chuyển từ Hà Nội lên Việt Bắc tiếp tục hoạt động. Mạng lưới y tế địa phương, gồm các trạm cứu thương, trạm xá, phòng phát thuốc, bệnh xá, bệnh viện từng bước hình thành: Cuộc vận động thực hiện nếp sống vệ sinh được phát động thường xuyên.

Những thành tựu về các mặt nói trên tuy mới là bước đầu, nhưng đó là những nhân tố quan trọng đảm bảo cho quân và dân ta giành thắng lợi trên mặt trận quân sự, trước mắt là đập tan cuộc tấn công của giặc Pháp trong Thu - Đông 1947.

- **IV. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.**

1. Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

Cho đến giữa năm 1947, cuộc kháng chiến toàn quốc đã trải qua 5 tháng. Về cơ bản, chúng ta đã đạt được các mục tiêu chiến lược do Trung ương Đảng đề ra: "Địch thiệt hại khá nhiều ở Bắc Bộ... Chiến sự ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ khá hơn trước. Quân du kích của ta ở đó hoạt động dữ, đã thu được nhiều kết quả khá"1.

Về phía thực dân Pháp, ở Bắc Bộ, tuy đã được tăng viện lên 11 tiểu đoàn Âu - Phi từ Pháp sang, nhưng chúng cũng chỉ đủ sức chiếm giữ một số thành phố, thị xã (Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng). Trên con đường giao thông chiến lược nối liền Hà Nội với Hải Phòng, tuy địch đã sử dụng một lực lượng bảo vệ khá lớn, nhưng vẫn không ngăn chặn được hoạt động của quân ta; không có cuộc hành quân nào của địch trên tuyến đường này được an toàn.

Về phía ta, bộ đội chủ lực vẫn được bảo toàn và phát triển cả về số lượng và trình độ tác chiến. Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo vệ an toàn. Thế trận chiến tranh nhân dân được củng cố và mở rộng. Như vậy là âm mưu chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp bước đầu bị thất bại. Cuộc chiến tranh vẫn kéo dài và ngày càng mở rộng đã khiến cho thực dân

Pháp lâm vào tình trạng khó khăn, quân số thiếu hụt. Số quân tăng viện nhỏ giọt từ Pháp sang không sao khắc phục được tình trạng phân tán, dàn mỏng lực lượng trên các chiến trường. Một bộ phận binh sĩ địch bắt đầu tỏ ra chán ghét chiến tranh. Những vụ phản chiến xuất hiện ở một số nơi. Trước tình hình trên, thực dân Pháp âm mưu kết hợp chặt chẽ giữa thủ đoạn chính trị và biện pháp quân sự. Về chính trị, chúng vừa cố tạo ra một chính quyền tay sai bản xứ, vừa tìm cách lôi kéo, lừa bịp quần chúng bằng một thứ lí tưởng đối lập với chủ nghĩa yêu nước chân chính. Về quân sự, chúng vừa bình định miền Nam, vừa tập trung lực lượng lớn đánh đòn quyết định ở miền Bắc, hòng đè bẹp tinh thần và lực lượng kháng chiến của đối phương.